

Bản án số: **08/2024/KDTM - PT**

Ngày: 24-4-2024

*V/v: “Tranh chấp giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến hoạt động của công ty”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Vũ Thanh Liêm**

*Các Thẩm phán:* ông **Lê Tự**

ông **Nguyễn Văn Tào**

**- Thư ký phiên tòa:** ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2023/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến hoạt động của công ty*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 533/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** ông Nguyễn Thanh Y; địa chỉ: 5 P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh Y:* ông Thái Duy A; địa chỉ: C P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy H, luật sư, Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh G

Địa chỉ: Số A, đường Q, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**- Bị đơn:** bà Phan Thị Thanh X - Giám đốc Công ty cổ phần T2; địa chỉ: G H, tổ dân phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* ông Hồ Văn T; địa chỉ: G H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Cao Anh N; luật sư, Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K; địa chỉ: D -31 Đường Số H khu đô thị L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Bảo T1; địa chỉ: D T, tổ A, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Công ty cổ phần T2; địa chỉ: G H, tổ dân phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

*Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần T2:* ông Hồ Văn T; địa chỉ: G H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**\* Người kháng cáo:** bị đơn bà Phan Thị Thanh X, Giám đốc Công ty cổ phần T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bảo T1, Công ty cổ phần T2

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty cổ phần T2 đã được Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 5901029359; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29/07/2020. Người đại diện theo pháp luật của công ty là bà Phan Thị Thanh X, chức danh: Giám đốc

Một trong các hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần T2 là khai thác cát,... Chúng tôi (ba thành viên là cổ đông sáng lập) đã mua mỏ cát từ Công ty TNHH Một thành viên T2 từ tháng 6/2020, sau đó chúng tôi tiến hành thủ tục đăng ký thay đổi (cấp giấy ngày 29/7/2020). Bà Phan Thị Thanh X trước kia là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV T2 nay tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Giám đốc. Công ty cổ phần T2 khi hình thành chỉ có ba (03) cổ đông sáng lập gồm:

-Phan Thị Thanh X;

-Nguyễn Thị Bảo T1;

-Nguyễn Thanh Y.

Tôi đã góp vốn 3.000.000.000đ, bằng 1/3 tổng số vốn góp của Công ty (Danh sách cổ đông Công ty cổ phần do bà Phan Thị Thanh X lập ngày 27/7/2020). Từ khi thành lập công ty cổ phần đến nay công ty vẫn chỉ có ba cổ đông và phần đóng góp của ba cổ đông vẫn bằng nhau. Giai đoạn đầu công ty hoạt động bình thường, đến tháng 10/2021 thì Giám đốc Phan Thị Thanh X bác bỏ quyền cổ đông của tôi, cụ thể bà X:

-Không cho tôi tham gia công việc khai thác cát của Công ty, không chia cho tôi phần lợi nhuận của Công ty;

-Tự ý hợp tác với người ngoài Công ty, buôn bán cát khai thác được không rõ ràng;

- Tự điều hành sử dụng tài sản của Công ty, móc nối với người ngoài khai thác cát ngoài vị trí mỏ được cấp phép, điều này đã gây thiệt hại và thất thoát tài sản của Công ty.

Chính vì những lý do trên, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Buộc Giám đốc Phan Thị Thanh X chấm dứt hoạt động khai thác cát ngoài phạm vi giấy phép, không được hợp tác với người ngoài khi chưa được sự thống nhất của ba cổ đông sáng lập (và đang là thành viên góp vốn công ty). Trong trường hợp các cơ quan chức năng phát hiện việc khai thác cát lậu cá nhân bà Phan Thị Thanh X phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

-Buộc Giám đốc Phan Thị Thanh X công khai số liệu kinh doanh và lợi nhuận của công ty và phân chia như đã phân chia trước đây; phải thanh toán cho tôi phần lợi nhuận ba tháng từ tháng 1/2022 (mà bà X đã đơn phương cắt bỏ). Theo số liệu tạm tính thì lợi nhuận là 750.000.000 đồng (gồm tháng 1, 2 và 3 năm 2022) trong đó phần phải chia cho tôi là 250.000.000 đồng.

-Buộc Giám đốc Phan Thị Thanh X phải tổ chức cuộc họp tập thể để thống nhất hoạt động kinh doanh, phải được sự thống nhất của tất cả các thành viên góp vốn của công ty. Trong hoạt động kinh doanh phải công khai, phải tuân thủ quy định của Nhà nước (phải sử dụng tài khoản của Công ty, phải công khai tài chính).

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 24-11-2022, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện theo đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

Buộc Giám đốc Phan Thị Thanh X thanh toán cho cổ đông Nguyễn Thanh Y phần lợi nhuận của Công ty cổ phần T2 kể từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 10 năm 2022 và từ tháng 11 năm 2022 trở về sau.

*2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hồ Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

### *2.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*

Năm 2020, Công ty Cổ phần T2 thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901029395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh G cấp ngày 29/7/2020 với 03 cổ đông sáng lập được đăng ký, bao gồm: Bà Phan Thị Thanh X là Giám đốc công ty, bà Nguyễn Thị Bảo T1, ông Nguyễn Thanh Y. Căn cứ vào Danh sách đăng ký cổ đông ngày 27/7/2020 thì bà Nguyễn Thị Bảo T1, ông Nguyễn Thanh Y, mỗi người góp vốn, đăng ký mua 300.000 cổ phần, tương ứng số tiền 3.000.000.000 đồng. Trên thực tế, bà Phan Thị Thanh X và bà Nguyễn Thị Bảo T1 đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Công ty. Kể từ khi thành lập công ty cho đến nay, Công ty chỉ dựa vào nguồn vốn của 02 cá nhân là bà Phan Thị Thanh X và bà Nguyễn Thị Bảo T1 để duy trì hoạt động kinh doanh, chi trả lương cho công nhân viên và những chi phí khác phát sinh, v.v...

Từ trước đến nay, ông Nguyễn Thanh Y không đóng góp, thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty. Do đó, Công ty rất bất ngờ trước sự việc nguyên

đơn là ông Nguyễn Thanh Y cho rằng mình cũng là cổ đông của Công ty và có lợi ích trong Công ty. Trong vụ án này, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu như sau:

-Yêu cầu tôi với tư cách là Giám đốc công ty phải chấm dứt hoạt động khai thác cát ngoài phạm vi giấy phép, không được hợp tác với cá nhân, tổ chức khác khi cổ đông sáng lập không đồng thuận và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

-Yêu cầu tôi phải công khai số liệu kinh doanh và thanh toán lợi nhuận 03 tháng kể từ tháng 01/2022 – 03/2022 với số tiền chia cho nguyên đơn là 250.000.000 đồng.

- Yêu cầu tôi tổ chức cuộc họp để thống nhất hoạt động kinh doanh. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện đưa ra các yêu cầu xoay quanh trách nhiệm của Giám đốc công ty và đưa ra yêu sách đòi thanh toán lợi nhuận.

*2.2. Về việc xác định nguyên đơn không phải là cổ đông của Công ty cổ phần T2.*

Vào thời điểm thành lập Công ty Cổ phần T2 thì Luật Doanh nghiệp năm 2014 đang có hiệu lực thi hành. Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định về việc loại bỏ tư cách cổ đông công ty đối với trường hợp không thanh toán tiền góp vốn, mua cổ phần theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận giữa các bên như sau: Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc sau thời hạn được các bên thỏa thuận trong Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần nếu thời hạn đó ngắn hơn 90 ngày thì cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua đương nhiên không còn là cổ đông của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác.

Ngoài ra, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 về đăng ký doanh nghiệp quy định như sau:

-Cổ đông sáng lập quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 là cổ đông sáng lập được kê khai trong Danh sách cổ đông sáng lập và nộp cho Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp.

-Cổ đông sáng lập chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông công ty theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và bị xóa tên khỏi Danh sách cổ đông sáng lập của công ty.

Như vậy, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã không thừa nhận tư cách cổ đông công ty của ông Nguyễn Thanh Y kể từ thời điểm trước khi Luật Doanh nghiệp năm 2020 có hiệu lực thi hành. Trong vụ án này, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 về đăng ký doanh nghiệp là văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng để xác định tư cách cổ đông của các thành viên và giải quyết tranh chấp phát sinh. Theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2014, bà Phan Thị Thanh X và bà Nguyễn Thị Bảo T1 là người sáng lập

công ty. Riêng đối với ông Nguyễn Thanh Y là người cùng được đăng ký kê khai trong Danh sách đăng ký cổ đông ngày 27/7/2020, từ trước đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền góp vốn, mua cổ phần nên ông Nguyễn Thanh Y không phải là cổ đông của Công ty.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định cổ đông, nhóm cổ đông chỉ được quyền khởi kiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020 nếu cổ đông, nhóm cổ đông đó sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thanh Y đã không thanh toán tiền góp vốn, mua cổ phần, nên ông Nguyễn Thanh Y mặc nhiên không phải là cổ đông của Công ty và mặc nhiên bị xóa tên khỏi Danh sách cổ đông sáng lập công ty. Do đó, ông Nguyễn Thanh Y không được phép khởi kiện Giám đốc hoặc đưa ra yêu sách đòi phân chia lợi nhuận hoặc bất cứ yêu sách nào đối với Công ty. Từ trước đến nay, Công ty Cổ phần T2 chưa bao giờ thừa nhận ông Nguyễn Thanh Y là cổ đông của Công ty.

Sở dĩ trong Danh sách đăng ký cổ đông ngày 27/7/2020 có ghi thông tin về nhân thân của nguyên đơn là vì đây là thủ tục hành chính khi tiến hành thủ tục thành lập doanh nghiệp, chứ không có ý nghĩa xác định ông Nguyễn Thanh Y là cổ đông của Công ty. Vấn đề quan trọng xác định tư cách cổ đông của Công ty là việc ông Nguyễn Thanh Y có thanh toán tiền góp vốn, mua cổ phần trên thực tế hay không. Từ trước đến nay, Công ty T2 khẳng định rằng không nhận được bất kỳ khoản tiền nào của ông Nguyễn Thanh Y và cũng không có văn bản nào xác nhận tư cách cổ đông của ông Nguyễn Thanh Y. Nếu nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Y cho rằng đã thanh toán tiền góp vốn, mua cổ phần cho Công ty thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh bằng việc cung cấp biên bản giao nhận tiền giữa nguyên đơn và Công ty H2 phải có nghĩa vụ cung cấp văn bản có xác nhận của Công ty về việc nguyên đơn đã thanh toán tiền góp vốn, mua cổ phần để trở thành cổ đông của Công ty.

### *3.3. Về việc trả lại đơn khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án.*

Về mặt tố tụng, vấn đề quan trọng đặt ra trong vụ án này là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai sẽ trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do:

-Người khởi kiện không có quyền khởi kiện hoặc chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định như sau:

*“Điều 192. Trả lại đơn khởi kiện, hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện:*

*1. Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện trong các trường hợp sau đây:*

*a) Người khởi kiện không có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 và Điều 187 của Bộ luật này hoặc không có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự;*

*b) Chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.*

*Chưa có đủ điều kiện khởi kiện là trường hợp pháp luật có quy định về các điều kiện khởi kiện nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó.”*

Trong vụ án này, tôi cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai cần phải xác định nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ, ngay cả Điều 113 Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng quy định nghĩa vụ của các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Trong thời hạn từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày cuối cùng phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua, số phiếu biểu quyết của các cổ đông được tính theo số cổ phần phổ thông đã được đăng ký mua, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. Nếu cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thời hạn khác ngắn hơn.

Như vậy, Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng như Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định trong mọi trường hợp sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nếu cá nhân, tổ chức chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền góp vốn, mua cổ phần thì Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng như Luật Doanh nghiệp năm 2014 mặc nhiên không xem là cổ đông của Công ty. Thậm chí, khoản 5 Điều 113 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định rõ điều kiện cơ bản để người góp vốn trở thành cổ đông của công ty là phải thanh toán tiền góp vốn và thời điểm trở thành cổ đông của công ty là kể từ thời điểm đã thanh toán việc mua cổ phần. Hiện nay, Công ty T2 đã thành lập tròn 02 năm nhưng ông Nguyễn Thanh Y vẫn không thanh toán tiền góp vốn, mua cổ phần nên không thể xem là cổ đông của Công ty.

Theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh rằng mình là cổ đông của Công ty. Tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*. Do đó, nếu nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh tư cách cổ đông của Công ty thì Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai phải xác định vụ án này thuộc trường hợp chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định pháp luật.

Để làm rõ hơn lập luận xác định nguyên đơn chưa có đủ điều kiện khởi kiện, tôi xin viện dẫn thêm hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 v/v hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định như sau: *“Về chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật là trường hợp pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật khác có quy định về các điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích*

*của Nhà nước nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó.”.*

Vì vậy, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai phải trả lại đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Y và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, vì nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Y chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Nếu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai vẫn tiếp tục giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bảo T1 có ý kiến thống nhất với phần trình bày của bị đơn.*

*4. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần T2 có ý kiến thống nhất với phần trình bày của bị đơn.*

***Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 02/2023/KDTM-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:***

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116 BLDS.
- Áp dụng các Điều 35, 111, 115, 140, 165, 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự về án phí.
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;  
Các điều 51, 52 của Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần T2.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Y về việc:

- Buộc Giám đốc Phan Thị Thanh X công khai số liệu kinh doanh; công khai tài chính và lợi nhuận của công ty đối với các cổ đông của công ty; Trong hoạt động kinh doanh phải tuân thủ quy định của Nhà nước và tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần T2.

2. Không chấp nhận các yêu cầu của anh Nguyễn Thanh Y về việc:

- Buộc Giám đốc Phan Thị Thanh X chấm dứt hoạt động khai thác cát ngoài phạm vi giấy phép, không được hợp tác với người ngoài khi chưa được sự thống nhất của ba cổ đông sáng lập.

- Yêu cầu thanh toán cho anh Nguyễn Thanh Y phần lợi nhuận theo số liệu tạm tính là 665.901.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/8/2023, bị đơn bà Phan Thị Thanh X, Giám đốc Công ty cổ phần T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T2 có đơn kháng cáo cùng nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Y và không công nhận ông Nguyễn Thanh Y là cổ đông của Công ty cổ phần T2.

Ngày 21/8/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà *Nguyễn Thị Bảo T1* có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà *T1* cho rằng chỉ yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông *Nguyễn Thanh Y* và không công nhận ông *Y* là cổ đông của công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông *Nguyễn Thanh Y* do ông *Thái Duy A* đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà *Phan Thị Thanh X*, Giám đốc *Công ty cổ phần T2* do ông *Hồ Văn T* đại diện theo ủy quyền, đồng thời ông *Hồ Văn T* cũng đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *Công ty cổ phần T2* giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà *Nguyễn Thị Bảo T1* giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông *Hồ Văn T* cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn cho rằng, ông *Nguyễn Thanh Y* không có góp vốn vào công ty nên không phải là cổ đông của công ty. Việc ông *Y* chuyển số tiền 490.000.000 đồng ngày 29/7/2020 cho bà *Nguyễn Thị Bảo T1* không liên quan gì đến công ty, đây là quan hệ vay mượn giữa cá nhân với cá nhân. Công ty đã mở tài khoản tại *Ngân hàng A1* vào ngày 22/7/2019 nhưng ông *Y* viện lý do công ty không có tài khoản nên chuyển cho bà *T1* là vô lý. Tại cơ quan điều tra, ông *Y* thừa nhận là ông *Y* chưa bao giờ tham gia quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Ông *Y* không biết rõ công ty có 3 hay 4 cổ đông. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông *Nguyễn Thanh Y* và không công nhận ông *Y* là cổ đông của *công ty cổ phần T2*. Bà *Nguyễn Thị Bảo T1* cho rằng, vợ chồng bà *T1* có cho vợ chồng ông *Y* vay tiền để trang trải cuộc sống lúc khó khăn. Ngày 29/7/2020, vợ chồng ông *Y* có trả nợ cho vợ chồng bà *T1* số tiền 490.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản ngân hàng. Tại phiên tòa sơ thẩm tôi mới biết ông *Y* cung cấp giấy vay tiền 410.000.000 đồng của tôi. Để chứng minh sự gian dối của ông *Y*, tôi xin cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm Giấy vay tiền 635.000.000 đồng ngày 03/8/2020 của vợ chồng ông *Nguyễn Thanh Y*, bà *Nguyễn Thị HI* đã vay tiền của tôi. Theo quy chế của công ty thì ông *Y* góp vốn phải góp vốn trực tiếp cho chị *X*, Giám đốc công ty. Tại lời khai ngày 16/6/2022, ông *Y* khẳng định đã góp đủ tiền trước thời điểm lập danh sách cổ đông vào ngày 27/7/2020, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông *Y* xác định góp vốn bằng cách chuyển khoản 490.000.000 đồng cho tôi vào ngày 29/7/2020. Công ty chỉ nhờ ông *Y* sửa chữa máy móc hư hỏng và trả công bằng việc bán cát giá rẻ cho công ty riêng của ông *Y* để bán lại kiếm lời. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông *Nguyễn Thanh Y* và không công nhận ông *Y* là cổ đông của công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà *Phan Thị Thanh X*, Giám đốc *công ty cổ phần T2* và kháng cáo của những người có quyền



lợi, nghĩa vụ liên quan công ty cổ phần T2, bà Nguyễn Thị Bảo T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Tại lời khai ngày 16/6/2022, ông Nguyễn Thanh Y khai: Tôi khẳng định mình đã góp vốn vào công ty ngay thời điểm bà X lập giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 27/7/2020 (BL 108). Tại đơn tố cáo ngày 12/10/2022 của ông Nguyễn Thanh Y thể hiện: Kể từ khi công ty đi vào hoạt động kinh doanh thì bà Phan Thị Thanh X và bà Nguyễn Thị Bảo T1 là người trực tiếp quản lý và điều hành, bản thân tôi là cổ đông không tham gia vào hoạt động kinh doanh và không điều hành công ty (BL 738, 739). Tại lời khai ngày 21/11/2022 của ông Nguyễn Thanh Y thể hiện: Tôi không có giấy tờ, tài liệu gì chứng minh việc tôi đã tham gia góp vốn vào “Công ty cổ phần T2” (BL 527). Ông Nguyễn Thanh Y dựa vào bản sao kê tài khoản thanh toán khách hàng của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ để cho rằng, vào ngày 29/7/2020 ông Y đã chuyển cho bà Nguyễn Thị Bảo T1 02 lần với số tiền 490.000.000 đồng để góp vào cổ phần của công ty. Việc chuyển tiền không thể hiện nộp vào cổ đông, bà T1 khai đây là khoản tiền trả nợ cho bà. Khi nộp tiền phải có Giấy chứng nhận góp vốn của công ty nhưng ông Y không có, đồng thời không phù hợp với lời khai của ông Y như đã phân tích trên.

Như vậy, mặc dù tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có tên ông Nguyễn Thanh Y là cổ đông công ty, tại Điều lệ của công ty ông Nguyễn Thanh Y có ký, nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Điều lệ công ty cổ phần T2 quy định: Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Ông Y không cung cấp bất cứ giấy tờ nào chứng minh ông Y đã góp vốn vào công ty, không được bà Phan Thị Thanh X (Giám đốc công ty) và bà Nguyễn Thị Bảo T1 (cổ đông) là những người góp vốn vào để sáng lập công ty thừa nhận ông Y là cổ đông công ty. Do ông Nguyễn Thanh Y không chứng minh được đã góp vốn vào thành lập công ty để trở thành cổ đông của công ty nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Y là không có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Thanh X, Giám đốc công ty cổ phần T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty cổ phần T2 và bà Nguyễn Thị Bảo T1, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Y đối với phần bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Y về việc buộc Giám đốc Phan Thị Thanh X công khai số liệu kinh doanh; công khai tài chính và lợi nhuận của công ty đối với các cổ đông của công ty; Trong hoạt động kinh doanh phải tuân thủ quy định của Nhà nước và tuân thủ điều lệ hoạt động của công ty cổ phần T2.

2. Do bản án sơ thẩm bị sửa nên phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Y phải chịu.

3. Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

4. Những phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Thanh X, Giám đốc Công ty cổ phần T2 và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T2, bà Nguyễn Thị Bảo T1, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116 Bộ luật Dân sự; các Điều 35, 111, 115, 140, 165, 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020; khoản 1 Điều 8 Điều lệ Công ty cổ phần T2; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Y về việc buộc Giám đốc Phan Thị Thanh X công khai số liệu kinh doanh; công khai tài chính và lợi nhuận của công ty đối với các cổ đông của công ty; Trong hoạt động kinh doanh phải tuân thủ quy định của Nhà nước và tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần T2.

2. Về án phí:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Y phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Phan Thị Thanh X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả lại 2.000.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000289 ngày 22/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Công ty cổ phần T2 và bà Nguyễn Thị Bảo T1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền các đương sự đã nộp mỗi người 2.000.000 đồng tại các biên lai thu tiền số 0000287 và 0000288 cùng ngày 22/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra II - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Vũ Thanh Liêm**